

**BẢNG TỔNG HỢP, ĐỐI CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÃI BỎ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Dự thảo Nghị quyết	Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND	Thông tư 55/2023/TT-BTC	Lý do	Ghi chú
1	<p><b>Bãi bỏ:</b> khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 8 điều 2 của Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND</p>	<p>Khoản 1: Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;                      Khoản 2: Chi tăng cường cơ vật chất cho hệ thống thôn tin truyền thông cơ sở;                      Khoản 6: Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống nông thôn</p>	<p>Điều 82 (Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở);                      Điều 88 (Chi phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn)                      Điều 100 (Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở) của thông tư 55/2023/TT-BTC</p>	<p>KHÔNG phân cấp Hội đồng nhân dân tỉnh phải quy định mức hỗ trợ.</p>	
2	<p>2.1 Sửa đổi khoản 4, Điều 2 thành:                      “4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp:                      Mức hỗ trợ: Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).</p>	<p>Khoản 4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng                      Nội dung chi: Thiết lập vùng trồng, đánh giá và giám sát định kỳ, đột xuất, hướng dẫn ghi nhật ký, nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, phần mềm quản lý mã vùng trồng, phân tích dư lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài (nếu có); định danh mẫu vật dịch hại cho đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).                      Mức hỗ trợ: 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện</p>	<p>Điều 84 Thông tư 55/2023/TT-BTC:                      1. Chi ....                      2. Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p>	<p><i>khoản 4 Điều 2 nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND mới chỉ quy định mức hỗ trợ cho tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng là chưa đủ</i></p>	



		được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
3	2.2. Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 2 thành: “b) Mức hỗ trợ: 50% cho 01 trang trại, THT, HTX, DN theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án”.	5. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp a) Nội dung hỗ trợ Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng. b) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp.	<b>Điều 86. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại:</b> Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. ”.	Như vậy Nghị quyết 06/2023/NQ-HDND chưa quy định mức hỗ trợ 01 dự án, mô hình, kế hoạch, phương án	
4	2.3. Sửa đổi khoản 7, Điều 2 thành: “7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương	7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương	Điều 94. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, quy định:	Đảm bảo đúng và đầy đủ nội dung theo quy định hiện hành	


<p>phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền</p> <p>a) Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.</p> <p>- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch.</p> <p>- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái: Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (điểm</p>	<p>a) Nội dung hỗ trợ</p> <p>Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: 500 triệu đồng/điểm du lịch, sản phẩm du lịch.</p>	<p>"1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>2. Nội dung chi và mức chi:</p> <p>a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung, mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;</p> <p>b) Chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư 12/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nội dung và mức chi từ ngân sách</p>		
--	---	--	--	--

CHỦ NGHỊ  
SỞ  
NGHIỆP  
T TRIỂN  
THÔN  
H PHƯỚC

<p><i>dùng nghỉ, điểm trung bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...)</i> dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.</p> <p>- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (<i>nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải</i>) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền</p> <p>- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (<i>theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi</i>);</p>		<p>Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch;</p> <p>c) Chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;</p> <p>d) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư này.”</p>		
--	--	---	--	--

<p>đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.</p> <p>- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.</p> <p>- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế: Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/nội dung. Hỗ trợ phát triển nghệ nhân: Áp dụng theo khoản 3, Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>				
---	--	--	--	--

	<p>- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Hỗ trợ 100% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.</p>				
5	<p><b>3. Bổ sung sau khoản 9, điều 2 các khoản sau:</b></p> <p>“10. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Theo quy định tại điều khoản Nghị quyết số Ngày của HĐND tỉnh quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh. (nghị quyết này SLĐ đang chủ trì</p>	<b>KHÔNG CÓ</b>	<p>- (khoản 10): TT 55 hướng dẫn mức hỗ trợ theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Mặt khác Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND cũng quy định mức hỗ trợ DA/kế hoạch thuộc các chương trình MTQG thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Tại khoản 12 điều 1 NĐ 38 quy định mức hỗ trợ 01 dự án không vượt quá mức hỗ trợ do HĐND tỉnh quy định, nên phải có mức hỗ trợ do HĐND tỉnh quy định.</p>	<p>Thông tư 55/2023/TT-BTC phân cấp hội đồng quy định mức cụ thể.</p>	

<p>tham mưu trình kỳ họp chuyên đề tháng 9)</p> <p>11. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP</p> <p>Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>           <p>12. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với chương trình MTQG nông thôn mới (không bao gồm cả dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch,</p>		<p>- (khoản 11): Điểm đ, khoản 2, điều 87 thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:</p> <p>“đ) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”</p> <p>- (khoản 12) Khoản 12, điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:</p> <p>“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí</p>		
--	--	---	--	--

	<p>phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>		<p>thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.</p> <p>Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng <b>không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.</b>”</p>		
--	---	--	---	--	--

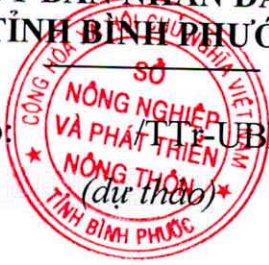


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **TT-UBND**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023



## TỜ TRÌNH

**Đề nghị thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Căn cứ xây dựng Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022

của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## 2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 15/8/2023 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025 (Thông tư này thay thế Thông tư số 53/2022/TT-BTC).

Một số quy định nội dung, mức chi trước đây phân cấp cho hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể nay theo thông tư 55/2023/TT-BTC đã không còn. Mặt khác có một số quy định nội dung, mức chi có sự thay đổi so với thông tư cũ (đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết 06/2023/NQHĐND. Ngoài ra, Thông tư 55/2023/TT-BTC cũng có bổ sung một số quy định về nội dung, mức chi và phân cấp cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

Mặt khác, tại khoản 2, điều 127 có quy quy định

“2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các **khoản chi đặc thù** chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước”

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về Chương trình MTQG XDNTM.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo về trình tự, thủ tục theo các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đảm bảo đúng quy định của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Công văn số /HĐND ngày / /2024 của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết bổ sung, sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND (Công văn số /UBND-TH ngày / /2024).

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết bổ sung, sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND và lấy ý kiến các đơn vị, địa phương có liên quan (tại Công văn số /SNN-KTHT ngày / /2024). Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương (Báo cáo số /BC-SNN-KTHT ngày / /2024). Sau đó, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số /BC-STP ngày / /2024 về việc thẩm định đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số /TTr-SNN-NTM ngày / /2024 và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

**1. Bãi bỏ:** khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 8 điều 2;

**Lý do:** Điều 82 (Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở) điều 88 (Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn) điều 100 (Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở) của thông tư 55/2023/TT-BTC đã không phân cấp Hội đồng nhân dân tỉnh phải quy định mức hỗ trợ.

**2. Sửa đổi các nội dung**

**2.1 Sửa đổi khoản 4, Điều 2 thành:**

“4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp:

Mức hỗ trợ: Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Chi hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác”.

*Lý do: Điều 84-TT55 quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (DA/MH/KH xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất). Tuy nhiên, khoản 4 Điều 2 NQ 06 mới chỉ quy định mức hỗ trợ cho tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng là chưa đủ.*

**2.2. Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 2 thành:**

“b) Mức hỗ trợ: 50% cho 01 trang trại, THT, HTX, DN theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án”.

*Lý do: Tại NQ 06 đã có quy định mức hỗ trợ 50% cho 01 trang trại, THT, HTX, DN theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/trang trại, THT, HTX, DN. Tuy nhiên, Điều 86-TT55 yêu cầu “cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. Như vậy NQ 06 chưa quy định mức hỗ trợ 01 dự án/MH/KH/PA.*

**2.3. Sửa đổi khoản 7, Điều 2 thành:**

“7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các

tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái: Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế: Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/nội dung. Hỗ trợ phát triển nghệ nhân: Áp dụng theo khoản 3, Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Hỗ trợ 100% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

Lý do: Điều 94. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, quy định:

"1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương

trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung, mức hỗ trợ cụ thể** đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư 12/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch;

c) Chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

d) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư này.”

### **3. Bổ sung sau khoản 9, điều 2 các khoản sau:**

“10. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Theo quy định tại điều khoản Nghị quyết số Ngày của HĐND tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh. (nghị quyết này SLĐ đang chủ trì tham mưu trình kỳ họp chuyên đề tháng 9)

11. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với chương trình MTQG nông thôn mới (không bao gồm cả dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Lý do:**

- (khoản 10): TT 55 hướng dẫn mức hỗ trợ theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Mặt khác Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND cũng quy định mức hỗ trợ DA/kế hoạch thuộc các chương trình MTQG thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Tại khoản 12 điều 1 NĐ 38 quy định mức hỗ trợ 01 dự án không vượt quá mức hỗ trợ do HĐND tỉnh quy định, nên phải có mức hỗ trợ do HĐND tỉnh quy định.

- (khoản 11): Điểm đ, khoản 2, điều 87 thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:

“đ) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”

- (khoản 12) Khoản 12, điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng **không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.**”

#### **IV. BỔ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bổ cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2, 3 Tổ chức thực hiện

##### **2. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết**

###### **Điều 1.**

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 8 điều 2;

2. Sửa đổi các nội dung:



2.1. Sửa đổi khoản 4, Điều 2 thành:

“4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp:

Mức hỗ trợ: Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Chi hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác”.

2.2. Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 2 thành:

“b) Mức hỗ trợ: 50% cho 01 trang trại, THT, HTX, DN theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án”.

2.3. Sửa đổi khoản 7, Điều 2 thành:

“7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái: Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.



- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế: Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/nội dung. Hỗ trợ phát triển nghệ nhân: Áp dụng theo khoản 3, Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Hỗ trợ 100% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

### 3. Bổ sung sau khoản 9, điều 2 các khoản sau:

“10. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Theo quy định tại điều khoản Nghị quyết số Ngày của HĐND tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh. (nghị quyết này SLD đang chủ trì tham mưu trình kỳ họp chuyên đề tháng 9)

#### 11. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với chương trình MTQG nông thôn mới (không bao gồm cả dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Các nội dung khác không bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện, giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

### V. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết và các văn bản có liên quan)./.

***Nơi nhận:***

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024



## NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ .....

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp*



từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số ..... /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra số.....BC/HĐND ngày.....tháng.....năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 8 điều 2;

2. Sửa đổi các nội dung:

2.1. Sửa đổi khoản 4, Điều 2 thành:

“4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp:

Mức hỗ trợ: Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Chi hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác”.

2.2. Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 2 thành:

“b) Mức hỗ trợ: 50% cho 01 trang trại, THT, HTX, DN theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án”.

2.3. Sửa đổi khoản 7, Điều 2 thành:

“7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ

sinh, thuận tiện, sinh thái: Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trung bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trung bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế: Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/nội dung. Hỗ trợ phát triển nghệ nhân: Áp dụng theo khoản 3, Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Hỗ trợ 100% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

3. Bổ sung sau khoản 9, điều 2 các khoản sau:

“10. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Theo quy định tại điều khoản Nghị quyết số Ngày của HĐND tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự



án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh. (nghị quyết này SLĐ đang chủ trì tham mưu trình kỳ họp chuyên đề tháng 9)

**11. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**12. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với chương trình MTQG nông thôn mới (không bao gồm cả dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất):** Mức hỗ trợ 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng 12 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành: Nông nghiệp và PTNT; Lao động - TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**